

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST
Ngày: 22-7-2020
“V/v Tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thật.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hật – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2020/TLST-DS, ngày 11/3/2020 về việc “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị V – Sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1947 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị V trình bày:

Tôi là chủ hụi, bà Nguyễn Thị H là hụi viên. Bà H tham gia chơi của tôi 02 chân hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi 300.000đ, áp ngày 30/3/2011 al, gồm 56 phần, hụi 10 ngày khui 01 lần, bà H vô 01 chân, bà H hốt lần thứ 16, tôi không nhớ ngày hốt và số tiền vì giấy giao tiền đưa cho bên bà H giữ. Bà H đóng được 47 lần thì không đóng nữa, hụi chết còn lại 09 lần chưa đóng thành tiền 2.700.000đ.

Dây hụi 500.000đ, áp ngày 09/02/2012 al, gồm 48 phần, 10 ngày khui 01 lần, bà H vô 01 chân, bà H hốt lần thứ 05, tôi cũng không nhớ ngày hốt và bao nhiêu tiền vì giấy giao tiền đưa cho bà H giữ. Bà H đóng được 15 lần thì không đóng nữa, hụi chết còn lại 33 lần chưa đóng thành tiền 16.500.000đ.

Cả hai dây hụi đã mất từ năm 2013, tổng cộng hai dây hụi bà H còn nợ lại tôi số tiền là 19.200.000đ, cộng chung tiền tôi hốt dây hụi khác để lấy tiền trả hụi cho bà H nên bà H phải bù lỗ cho tôi thêm số tiền 5.985.000đ. Như vậy, bà H còn nợ tôi tổng số tiền là 25.185.000đ.

Tại phiên tòa, bà Lâm Thị V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.185.000đ, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/5/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H khai: Tôi thừa nhận cách đây khoảng 09 – 10 năm (không nhớ rõ năm) tôi có tham gia chơi hụi do bà Lâm Thị V làm chủ. Do thời gian lâu quá nên tôi không nhớ chơi của bà V bao nhiêu chân hụi và cụ thể từng chân hụi như thế nào. Tôi cũng không nhớ ngày tháng năm nào, giữa tôi và bà V có tổng kết nợ với nhau là tôi còn thiếu bà V số tiền 15.000.000đ nhưng hai bên chỉ nói miệng với nhau không có ghi giấy tờ gì hết, cũng không có làm biên nhận và người làm chứng. Tôi hứa trả (góp) mỗi ngày 20.000đ nhưng bà V không chịu mà đòi trả đủ. Sau đó, bà V nhiều lần chửi rủa tôi nên tôi không trả tiền cho bà V nữa.

Nay, bà V khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 25.185.000đ thì tôi không đồng ý vì tôi chỉ thiếu bà V 15.000.000đ, trước đây tôi đồng ý trả cho bà V 15.000.000đ nhưng do bà V chửi rủa tôi nhiều lần quá nên tôi chỉ thừa nhận còn nợ bà V 15.000.000đ tiền hụi nhưng không đồng ý trả số tiền này cho bà V vì bà V chửi rủa tôi đã đủ 15.000.000đ này rồi.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hụi” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 10.185.000đ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị V buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị V số tiền nợ hụi là 15.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên bà Lâm Thị V khởi kiện bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp nợ hui” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên Tòa, bà Nguyễn Thị H với tư cách là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Thời gian vào năm 2011 - 2012, giữa bà V và bà H có thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hui với nhau, bà V là chủ hui, bà H là tay em, bà H tham gia chơi của bà V 02 dân hui, gồm dây hui 500.000đ và dây hui 300.000đ, bà H đã hốt hết hai dây hui trên, bà H đóng hui chết được một thời gian thì không đóng tiếp và còn nợ lại tiền hui chết của bà V. Cả hai dây hui trên đã mất từ năm 2013, cộng chung hai dây hui bà H còn thiếu lại bà V số tiền là 19.200.000đ và tiền bà V cho rằng hốt dây hui khác để lấy tiền trần hui cho bà H nên bà V yêu cầu bà H phải bù lỗ cho bà số tiền 5.985.000đ, tổng cộng là 25.185.000đ. Xét về nội dung và hình thức góp hui như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của bà Lâm Thị V đòi bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả đủ 01 lần cho bà số tiền nợ hui tổng cộng là 25.185.000đ. Tại phiên tòa, bà Lâm Thị V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.185.000đ, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà số tiền nợ hui là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Xét việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của bà V buộc bà H phải trả cho bà số tiền nợ hui là 15.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ kiện, bà V có cung cấp cho Tòa án một số giấy tờ ghi hui do bà tự lập để quản lý nhưng không có chữ ký xác nhận của bị đơn. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020, bà H thừa nhận hai bên có nói miệng với nhau và chốt lại số tiền hui bà H còn nợ bà V là 15.000.000đ, số tiền này đến nay bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ đóng hui cho bà V. Xét thấy, việc bà H không thực hiện nghĩa vụ góp hui theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường, nên buộc bà Huệ có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hui còn lại là 15.000.000đ cho bà V là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 750.000đ (15.000.000đ x 5%) do bà có lỗi trong vụ kiện này.

Bà Lâm Thị V được nhận lại số tiền 630.000đ (sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008829 ngày 11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phườg; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị V đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà số tiền 10.185.000đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị V: Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị V số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Lâm Thị V được nhận lại số tiền 630.000đ (sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008829 ngày 11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà Lâm Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/7/2020.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập